

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXVII

PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG 1

Khi ấy, Đức Phật bảo tất cả đại chúng:

–Này các Thiện nam! Các ông nếu nghĩ là có Phật không có Phật, có Pháp không có Pháp, có Tăng không có Tăng, có khổ không có khổ, có tập không có tập, có diệt không có diệt, có đạo không có đạo, có thật không có thật, có ngã không có ngã, có lạc không có lạc, có tịnh không có tịnh, có thường không có thường, có thừa không có thừa, có tánh không có tánh, có chúng sinh không có chúng sinh, có hữu không có hữu, có chân như không có chân như, có nhân không có nhân, có quả không có quả, có tạo tác không có tạo tác, có nghiệp không có nghiệp, có quả báo không có quả báo, thì hôm nay các ông cứ thưa hỏi đi! Ta sẽ vì các ông mà phân biệt giảng nói.

Này thiện nam! Ta thật không thấy ai, hoặc trời, hoặc người, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn đến hỏi mà Ta không giải đáp được.

Lúc ấy, trong chúng có Bồ-tát tên là Sư Tử Hồng, từ chỗ ngồi đứng dậy nghiêm nét mặt, sửa y phục, bước tới trước đánh lễ sát chân Phật quỳ gối chấp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con muốn thưa hỏi, cúi xin Đức Như Lai đại từ cho phép.

Khi ấy Đức Phật bảo các đại chúng:

–Này các thiện nam! Hôm nay các ông nên cung kính, tôn trọng, khen ngợi Bồ-tát này và nên đem các thứ hương hoa, âm nhạc, anh lạc, phướn lọng, y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men, nhà cửa, cung điện để cúng dường Bồ-tát, đón vị ấy đến, đưa vị ấy đi. Vì

sao vậy? Vì Bồ-tát này đã ở nơi chư Phật quá khứ trông sâu căn lành thành tựu phước đức, vì vậy hôm nay, muốn ở trước Ta mà thưa hỏi.

Này thiện nam! Như sư tử chúa tự biết sức lực, nhanh vuốt nhọn bén, bốn chân chống đất, đứng trong hang vẫy đuôi gầm rống. Nếu sư tử đầy đủ các tướng như vậy, thì nên biết nó có thể phát ra tiếng rống sư tử. Đúng là sư tử chúa thì sáng sớm ra khỏi hang, vươn vai ngáp, nhìn ngó bốn phương, phát tiếng rống lớn chấn động, là vì mười một điều. Mười một điều ấy là gì? Một là vì muốn loại trừ những loài thật sự chẳng phải là sư tử mà giả làm sư tử; hai là vì muốn thử sức mình; ba là vì muốn cho chỗ ở được sạch sẽ; bốn là vì muốn đàn sư tử con biết chỗ ở; năm là vì muốn đàn sư tử không có tâm sợ sệt; sáu là vì muốn kẻ ngủ say được tỉnh thức; bảy là vì muốn tất cả những con thú buông lung không còn buông lung; tám là vì muốn những loài thú khác đến châu hầu; chín là vì muốn điều phục đại hương tượng; mười là vì muốn dạy bảo các con cái; mười một là vì muốn trang nghiêm quyền thuộc của mình. Tất cả các loài cầm thú khi nghe tiếng rống của sư tử thì loài ở dưới nước liền lặn xuống vực sâu, loài đi trên đất liền thì ẩn trốn trong hang, loài bay trên không thì rơi xuống, các đại hương tượng vì sợ hãi nên chạy vãi phân. Này thiện nam! Như loài chó sói kia tuy theo sư tử đến trăm năm nhưng không bao giờ rống lên tiếng sư tử, nếu là sư tử con, mới tròn ba năm thì có thể rống như sư tử chúa.

Này thiện nam! Như Lai Chánh Đẳng Giác có móng vuốt trí tuệ, chân bốn như ý túc, thân đầy đủ sáu Ba-la-mật, sức mạnh mười lực, đuôi đại bi, an trụ trong hang thanh tịnh tứ thiên, vì chúng sinh mà rống tiếng rống sư tử, diệt trừ ma quân, hiện bày mười lực, khai mở hành xứ của Phật, làm chỗ nương về cho hàng tà kiến, an ủi vỗ về các chúng sinh sợ hãi sinh tử, lay gọi chúng sinh tỉnh giấc ngủ vô minh, làm cho người tạo ác sinh tâm ăn năn, khai thị cho tất cả chúng sinh tà kiến, khiến biết hàng Lục sư chẳng phải là tiếng rống của sư tử, diệt tâm kiêu mạn của Phú-lan-na v.v... Vì làm cho hàng Nhị thừa sinh tâm hối hận, dạy các Bồ-tát ở địa thứ năm sinh tâm đại lực, làm cho bốn bộ chúng chánh kiến đối với bốn bộ đồ chúng tà kiến không sinh sợ hãi, nên từ nơi hang Thánh hạnh, Phạm hạnh,

Thiên hạnh, vươn vai đi ra, vì muốn làm cho chúng sinh diệt trừ tâm kiêu mạn nên phải ngập, vì muốn khiến các chúng sinh phát sinh pháp thiện nên đoái nhìn bốn phương, vì khiến chúng sinh được bốn vô ngại nên bốn chân sát đất, vì khiến chúng sinh an trú đầy đủ Giới Ba-la-mật nên rống tiếng rống sư tử. Tiếng rống sư tử là nói quả quyết rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Như Lai thường trụ không có biến đổi.

Này thiện nam! Hàng Thanh văn, Duyên giác tuy theo Như Lai Thế Tôn vô lượng trăm ngàn số kiếp, nhưng cũng không thể làm sư tử rống. Bồ-tát Thập trụ nếu có thể tu hành ba hạnh như trên thì nên biết đó là sư tử rống. Này thiện nam! Đại Bồ-tát Sư Tử Hống này nay muốn làm đại sư tử rống như thế, vì vậy các ông nên chí tâm cung kính, cúng dường, tôn trọng khen ngợi.

Khi ấy Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Sư Tử Hống:

–Này thiện nam! Nếu ông muốn hỏi thì nay có thể tùy ý.

Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Phật tánh? Do nghĩa gì mà gọi là Phật tánh? Vì sao lại gọi là thường, lạc, ngã, tịnh? Nếu tất cả chúng sinh đều có Phật tánh thì tại sao không thấy được Phật tánh của tất cả chúng sinh? Bồ-tát Thập Trụ trụ những pháp gì mà không thấy rõ? Phật dùng con mắt gì mà thấy rõ?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Lành thay! Lành thay! Nếu các người vì pháp mà thưa hỏi thì sẽ đầy đủ hai loại trang nghiêm. Một là trí tuệ, hai là phước đức. Bồ-tát nào đầy đủ hai loại trang nghiêm như vậy thì biết được Phật tánh, lại cũng rõ biết ý nghĩa Phật tánh, cho đến có thể biết Bồ-tát Thập Trụ dùng con mắt gì để thấy, chư Phật Thế Tôn dùng mắt gì để thấy?

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là trí tuệ trang nghiêm? Thế nào gọi là phước đức trang nghiêm?

–Này thiện nam! Trí tuệ trang nghiêm là từ một Địa cho đến mười Địa, đó là trí tuệ trang nghiêm. Phước đức trang nghiêm tức là

Bố thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã chẳng phải là Bát-nhã Ba-la-mật. Nay thiện nam! Trí tuệ trang nghiêm tức là nói về chư Phật, Bồ-tát, phước đức trang nghiêm là nói về Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát Cứu Trụ.

Lại nữa, nay thiện nam! Phước trang nghiêm là có tạo tác, có phiền não, có cỗi, có quả báo, có chướng ngại, chẳng phải thường, là pháp phàm phu. Trí tuệ trang nghiêm là không tạo tác, không phiền não, không cỗi, không quả báo, không chướng ngại và thường trụ. Nay thiện nam! Nay ông đầy đủ hai loại trang nghiêm này, vì vậy nên có thể hỏi được diệu nghĩa rất sâu. Ta cũng đầy đủ hai loại trang nghiêm này nên có thể giải đáp được nghĩa ấy.

Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát đầy đủ hai loại trang nghiêm như vậy, thì không nên hỏi một loại, hai loại. Vậy sao Đức Thế Tôn có thể đáp một loại, hai loại. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không có một loại, hai loại. Một loại, hai loại là tướng của phàm phu.

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Nếu có Bồ-tát không có hai thứ trang nghiêm này, thì không thể biết được một thứ, hai thứ, nếu có Bồ-tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm, thì có thể hiểu biết một thứ, hai thứ. Nếu nói các pháp không một, không hai thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu không một không hai thì tại sao nói là tất cả các pháp không một không hai? Nay thiện nam! Nếu nói một, hai là tướng của phàm phu thì đó gọi là Bồ-tát Thập Trụ, chẳng phải là phàm phu. Vì sao? Vì một gọi là Niết-bàn, hai gọi là sinh tử. Vì sao một gọi là Niết-bàn? Vì Niết-bàn là thường. Vì sao hai gọi là sinh tử? Vì có ái, có vô minh. Cái thường của Niết-bàn, chẳng phải là tướng phàm phu. Cái hai của sinh tử cũng chẳng phải là tướng của phàm phu. Do nghĩa này nên người đầy đủ hai thứ trang nghiêm này thì có thể hỏi, có thể đáp.

Nay thiện nam! Ông hỏi thế nào là Phật tánh? Vậy hãy lắng nghe, Ta vì ông mà phân biệt giảng nói.

Nay thiện nam! Phật tánh gọi là Đệ nhất nghĩa không, Đệ nhất

nghĩa không gọi là trí tuệ. Nói không tức là không thấy không và bất không. Trí tuệ là thấy không và bất không, thường cùng vô thường, khổ với lạc, ngã với vô ngã. Không là tất cả sinh tử, bất không là Đại Niết-bàn, cho đến vô ngã tức là sinh tử; ngã tức là Đại Niết-bàn, thấy tất cả không mà không thấy bất không thì không gọi là trung đạo cho đến thấy tất cả vô ngã mà không thấy ngã thì không gọi là trung đạo. Trung đạo gọi là Phật tánh. Do nghĩa này nên Phật tánh thường hằng không có biến đổi, vì vô minh che lấp khiến chúng sinh không thể thấy được. Còn hàng Thanh văn, Duyên giác thì thấy tất cả đều không, không thấy bất không, cho đến thấy tất cả là vô ngã, không thấy ngã. Do nghĩa này nên không đắc Đệ nhất nghĩa không, vì không đắc Đệ nhất nghĩa không nên không hành trung đạo, vì không hành trung đạo nên không thấy Phật tánh. Đây thiện nam! Có ba hạng không thấy trung đạo: Một là định lạc hành, hai là định khổ hành, ba là khổ lạc hành. Định lạc hành là Đại Bồ-tát vì thương xót tất cả chúng sinh nên tuy ở địa ngục A-tỳ nhưng an vui như ở đệ tam thiên. Định khổ hành là hạng phàm phu. Khổ lạc hành là hàng Thanh văn, Duyên giác. Thanh văn, Duyên giác hành nơi khổ lạc mà tưởng là trung đạo. Do nghĩa này nên tuy có Phật tánh mà không thấy được. Như ông hỏi, vì nghĩa gì mà gọi là Phật tánh? Đây thiện nam! Phật tánh tức là chủng tử trung đạo của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của tất cả chư Phật. Đây thiện nam! Đạo có ba bậc: hạ, thượng, trung. Bậc hạ là Phạm thiên, vô thường nhận lầm là thường. Bậc thượng là sinh tử vô thường nhận lầm là thường, Tam bảo là thường chấp là vô thường. Sao gọi là bậc thượng? Vì có thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bậc trung là Đệ nhất nghĩa không: vô thường thấy là vô thường, thường thấy là thường. Đệ nhất nghĩa không không gọi là bậc hạ. Vì sao? Vì điều này tất cả phàm phu không đạt được nên không gọi là bậc thượng. Vì sao? Vì đó chính là bậc thượng. Đạo của chư Phật, Bồ-tát tu thì không thượng, không hạ. Do nghĩa này nên gọi là trung đạo.

Lại nữa, đây thiện nam! Cội nguồn của sinh tử có hai loại: Một là vô minh, hai là hữu ái. Trung gian hai loại này thì có khổ sinh, già, bệnh, chết. Đó gọi là trung đạo. Trung đạo như thế có thể phá

trừ sinh tử nên gọi là trung. Do nghĩa này nên pháp trung đạo gọi là Phật tánh. Vì thế nên Phật tánh là thường, lạc, ngã, tịnh, do chúng sinh không thấy được nên thành vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

Này thiện nam! Ví như người nghèo trong nhà có kho châu báu mà người này không thấy, vì không thấy nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Có người bạn chỉ cho người ấy: “Ở trong nhà của bạn có kho châu báu, thế sao bạn nghèo khổ khốn cùng, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh như vậy?”. Rồi dùng phương tiện làm cho người ấy được thấy. Vì được thấy nên người ấy được thường, lạc, ngã, tịnh. Phật tánh cũng vậy, chúng sinh không thấy được, vì không thấy nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Nhờ có thiện tri thức, nhờ chư Phật và Bồ-tát dùng nhiều phương tiện dạy bảo, làm cho chúng sinh được thấy, vì được thấy nên chúng sinh liền được thường, lạc, ngã, tịnh.

Này thiện nam! Kiến chấp của chúng sinh gồm có hai: Một là chấp thường, hai là chấp đoạn. Hai kiến chấp ấy không được gọi là trung đạo. Không thường, không đoạn tức là trí quán chiếu mười hai nhân duyên, trí quán chiếu này gọi là Phật tánh. Hàng Nhị thừa tuy quán nhân duyên nhưng cũng không được gọi là Phật tánh. Phật tánh tuy là thường nhưng vì chúng sinh bị vô minh che lấp nên không thể thấy được. Lại chưa qua được sông mười hai nhân duyên, giống như thỏ và ngựa. Vì sao? Vì không thấy Phật tánh.

Này thiện nam! Trí tuệ quán chiếu mười hai nhân duyên là hạt giống của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh. Này thiện nam! Ví như dưa hấu gọi là bệnh nóng. Vì sao? Vì có thể làm nhân duyên gây ra bệnh nóng. Mười hai nhân duyên cũng vậy. Này thiện nam! Phật tánh có nhân, có nhân của nhân, có quả, có quả của quả. Có nhân tức là mười hai nhân duyên, nhân của nhân tức là trí tuệ; có quả tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, quả của quả tức là Đại Bát Niết Bàn vô thượng. Này thiện nam! Như vô minh là nhân, các hành là quả, hành là nhân, thức là quả, do nghĩa này nên thể của vô minh ấy cũng là nhân, mà cũng là nhân của nhân; thức cũng là quả và cũng là quả của quả, Phật tánh cũng như vậy. Này thiện nam! Do nghĩa

này nên mười hai nhân duyên không sinh, không diệt, không thường, không đoạn, chẳng phải một, chẳng phải hai, không đến, không đi, chẳng phải nhân, chẳng phải quả. Đây thiện nam! Là nhân chẳng phải quả như Phật tánh; là quả chẳng phải nhân như Đại Niết-bàn; vừa là nhân vừa là quả như các pháp do mười hai nhân duyên sinh ra; chẳng phải nhân, cũng chẳng phải quả gọi là Phật tánh, vì chẳng phải nhân, quả nên thường hằng không biến đổi. Do nghĩa này, nên trong kinh Ta nói, mười hai nhân duyên nghĩa lý rất sâu xa, không thấy, không biết được, không thể tư duy, chính là cảnh giới của chư Phật, Bồ-tát, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được. Do nghĩa gì mà rất là sâu xa? Hành nghiệp của chúng sinh không thường, không đoạn mà bị quả báo, tuy niệm niệm diệt mà không mất, tuy không có tác giả mà có nghiệp tạo tác, tuy không người thọ nhận mà có quả báo. Người thọ nhận tuy đã diệt nhưng quả không hư mất, không có sự suy biết do hòa hợp có. Tất cả chúng sinh tuy cùng đi với mười hai nhân duyên mà không thấy, không biết, vì không thấy, không biết nên không có chung thỉ. Bồ-tát Thập Trụ chỉ thấy chung mà không thấy thỉ, còn chư Phật Thế Tôn thấy cả thỉ chung. Do nghĩa này nên chư Phật thấy được Phật tánh rõ ràng. Đây thiện nam! Tất cả chúng sinh vì không thấy mười hai nhân duyên nên bị luân chuyển. Đây thiện nam! Như tầm làm kén tự sinh tự chết, tất cả chúng sinh cũng như vậy. Vì không thấy Phật tánh nên tự tạo nghiệp trôi buộc luân chuyển trong sinh tử giống như đánh trái cầu. Đây thiện nam! Vì thế nên trong các kinh Ta nói: “Người nào thấy mười hai nhân duyên tức là thấy pháp, thấy pháp tức là thấy Phật” Phật ấy chính là Phật tánh. Vì sao? Vì tất cả chư Phật lấy đây làm tánh. Đây thiện nam! Trí quán sát mười hai nhân duyên gồm có bốn bậc: Một là bậc hạ, hai là bậc trung, ba là bậc thượng, bốn là bậc thượng thượng. Trí bậc hạ quán thì không thấy Phật tánh, vì không thấy nên chứng được đạo Thanh văn; trí bậc trung quán thì không thấy Phật tánh, vì không thấy nên chứng được đạo Duyên giác; trí bậc thượng quán thì không thấy rõ ràng, vì không thấy rõ ràng nên trụ vào Thập Trụ; trí bậc thượng thượng quán thì thấy rõ ràng, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên gọi

là Phật tánh. Phật tánh ấy tức là Đệ nhất nghĩa không, Đệ nhất nghĩa không tức là trung đạo, trung đạo tức là Phật, Phật tức là Niết-bàn.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Phật và Phật tánh không sai khác thì tất cả chúng sinh cần gì để tu đạo?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông hỏi thì nghĩa đó không đúng. Phật cùng với Phật tánh tuy không sai khác, nhưng các chúng sinh đều chưa đầy đủ. Này thiện nam! Ví như có người tâm ác muốn hại mẹ, hại rồi sinh lòng hối hận, tuy nghiệp thứ hai lành, nhưng người đó vẫn gọi là người ở địa ngục. Vì sao? Vì người đó chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục. Người ấy tuy không ở địa ngục nhưng ấm, giới và các nhập vẫn còn như cũ nên gọi là người ở địa ngục. Này thiện nam! Vì vậy cho nên, trong các kinh Ta nói: “Nếu thấy người nào tu hành các hạnh lành thì gọi là thấy trời người, tu hành các hạnh ác thì gọi là thấy địa ngục”. Vì sao? Vì chắc chắn sẽ nhận quả báo. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh chắc chắn chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên Ta nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, nhưng tất cả chúng sinh thật ra chưa có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do nghĩa này nên ở đây Ta nói kệ:

Trước có nay không

Trước không nay có

Ba đời có pháp

Là điều không có.

Này thiện nam! Có gồm ba thứ: Một là vị lai có, hai là hiện tại có, ba là quá khứ có. Tất cả chúng sinh đời vị lai sẽ có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, gọi là Phật tánh. Tất cả chúng sinh đời hiện tại đều có phiền não kiết sử, cho nên hiện tại không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tất cả chúng sinh đời quá khứ có đoạn trừ phiền não nên hiện tại được thấy Phật tánh. Do nghĩa này nên Ta thường nói: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh”, cho nên Nhất-xiển-đề... cũng có Phật tánh. Nhất-xiển-đề v.v... không có pháp thiện, mà Phật tánh là pháp thiện thì đời vị lai họ sẽ có. Nhất-xiển-đề đều

có Phật tánh. Vì sao? Vì Nhất-xiển-đề chắc chắn sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Ví như có người trong nhà có sữa, sữa đặc. Có người hỏi: “Ông có váng sữa không?”. Đáp: “Tôi có”. Sữa đặc thật chẳng phải là váng sữa nhưng dùng phương tiện khéo léo thì chắc chắn sẽ được nên nói là có váng sữa. Chúng sinh cũng vậy, thấy đều có tâm. Phàm khi có tâm chắc chắn sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên Ta thường nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Này thiện nam! Rốt ráo có hai loại: Một là rốt ráo trang nghiêm, hai là rốt ráo cứu cánh. Một là rốt ráo thế gian, hai là rốt ráo xuất thế gian. Rốt ráo trang nghiêm là sáu Ba-la-mật, rốt ráo cứu cánh là tất cả chúng sinh chứng đắc Nhất thừa. Nhất thừa ấy gọi là Phật tánh. Do nghĩa này nên Ta nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Tất cả chúng sinh đều có Nhất thừa, nhưng vì vô minh che lấp nên không thể thấy được. Này thiện nam! Như cõi Uất-đơn-việt, cõi trời Ba Mươi Ba, vì bị quả báo che lấp nên chúng sinh ở cõi này không thể thấy được. Phật tánh cũng như vậy, do các phiền não kết sử ngăn che nên chúng sinh không thấy.

Lại nữa, này thiện nam! Phật tánh tức là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, tánh như đề hồ, chính là mẹ của tất cả chư Phật. Vì lực của Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm khiến chư Phật được thương, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sinh đều có Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, vì không tu hành nên không được thấy. Vì vậy cho nên không thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm có năm tên: Một là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, hai là Trí tuệ Ba-la-mật, ba là Tam-muội Kim cang, bốn là Tam-muội Sư tử hống, năm là Phật tánh. Tùy theo chỗ tác dụng của Tam-muội ấy mà được gọi tên. Này thiện nam! Như một Tam-muội mà được nhiều tên, như thiền gọi là tứ thiền, căn gọi là định căn, lực gọi là định lực, giác gọi là định giác, chánh gọi là chánh định, bát đại nhân giác gọi là định giác, định Thủ-lăng-nghiêm cũng như vậy. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh đầy đủ ba môn định. Đó là thượng, trung, hạ. Thượng là Phật tánh, do vậy nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Trung là tất cả chúng sinh đầy đủ Sơ thiền,

khi có nhân duyên thì có thể tu tập, nếu không có nhân duyên thì không thể tu tập. Nhân duyên có hai loại: Một là nạn cháy, hai là phá trừ kiết sử ở cõi Dục. Do nghĩa này nên nói tất cả chúng sinh đều đầy đủ định bậc trung. Định bậc hạ là định tâm sở trong mười hai đại địa. Do nghĩa này nên nói tất cả chúng sinh đều đầy đủ định bậc hạ. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh nhưng phiền não che lấp nên không thể thấy được. Bồ-tát Thập Trụ tuy thấy Nhất thừa nhưng chẳng biết Như Lai là pháp thường trụ. Vì vậy nên nói Bồ-tát Thập Địa tuy thấy Phật tánh nhưng không rõ ràng. Nay thiện nam! Thủ-lăng gọi là tất cả việc đều rốt ráo, Nghiêm gọi là bền chắc. Tất cả rốt ráo mà được bền chắc nên gọi là Thủ-lăng-nghiêm. Vì vậy nên nói định Thủ-lăng-nghiêm là Phật tánh.

Nay thiện nam! Một thuở nọ Ta ở bên sông Ni-liên-thiên bảo A-nan: “Nay Ta muốn tắm rửa, ông có thể lấy y phục và đem cả bột đậu nữa”. Ta đã vào trong nước, tất cả những loài chim bay và các loài ở dưới nước, trên đất liền đều đến nhìn Ta. Lúc ấy, lại có năm trăm Phạm chí đến bên sông, nhân tới chỗ Ta, họ bảo nhau: “Làm thế nào để được thân Kim cang? Giả sử Cù-đàm không nói đoạn kiến thì ta sẽ theo ông ấy thỉnh thọ trai”. Nay thiện nam! Khi ấy Ta dùng tha tâm trí biết tâm niệm của Phạm chí, rồi bảo Phạm chí: “Tại sao bảo là Ta nói đoạn kiến?”. Các Phạm chí nói: “Thưa Cù-đàm! Thuở trước rải rác trong các kinh, Ngài nói các chúng sinh đều không có ngã. Đã nói là không có ngã thì sao lại nói là không đoạn kiến? Nếu không có ngã thì ai là người giữ giới? Ai là người phá giới?”. Khi ấy, Ta nói: “Ta cũng không nói tất cả chúng sinh đều không có ngã, Ta thường nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Thế Phật tánh lẽ nào chẳng phải là ngã sao? Do nghĩa này nên Ta không nói đoạn kiến. Vì tất cả chúng sinh không thấy Phật tánh nên cho là vô thường, vô lạc, vô ngã và vô tịnh. Như vậy mới gọi là đoạn kiến”. Khi các Phạm chí nghe nói Phật tánh tức là ngã liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đồng thời xuất gia tu đạo Bồ-đề; tất cả các loài chim bay, những loài dưới nước, trên đất liền cũng đều phát tâm Bồ-đề vô thượng. Đã phát tâm rồi bỗng nhiên liền được xả thân súc sinh.

Này thiện nam! Là Phật tánh thì thật chẳng phải ngã, vì chúng sinh nên gọi là ngã. Này thiện nam! Vì nhân duyên nên Như Lai nói vô ngã là ngã, mà thật không có ngã, tuy nói như vậy nhưng không có hư vọng. Này thiện nam! Vì có nhân duyên nên Như Lai nói ngã là vô ngã, mà thật có ngã, vì thế giới nên tuy nói vô ngã nhưng không có hư vọng. Phật tánh là vô ngã mà Như Lai nói là có ngã, vì Phật tánh là thường; Như Lai là ngã mà nói là vô ngã, vì được tự tại.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sinh đều có Phật tánh như Lực sĩ Kim cang thì do nghĩa gì mà tất cả chúng sinh không thể thấy được?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Như sắc pháp tuy có màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hình chất dài, ngắn đều khác nhau nhưng người mù không thấy. Dầu không thấy nhưng cũng không thể nói là không có xanh, vàng, đỏ, trắng, hình chất dài, ngắn. Vì sao? Vì người mù nên không thấy, nhưng người có mắt thấy. Phật tánh cũng vậy, tất cả chúng sinh đều không thể thấy, nhưng hàng Bồ-tát Thập Trụ thì thấy được một phần ít, còn Như Lai thì thấy hoàn toàn. Cái thấy của Bồ-tát Thập Trụ về Phật tánh như đêm tối thấy sắc, còn cái thấy của Như Lai như ban ngày thấy sắc. Này thiện nam! Như người mù lòa thấy sắc không rõ, có lương y giỏi điều trị mắt, do công dụng của thuốc nên được thấy rõ ràng. Bồ-tát Thập Trụ cũng như vậy, tuy thấy Phật tánh nhưng không rõ ràng, nhờ lực của Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm cho nên thấy được rõ ràng. Này thiện nam! Nếu người nào thấy tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc và vô tịnh và thấy cái chẳng phải tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh thì người như thế không thấy Phật tánh. Tất cả là sinh tử, chẳng phải tất cả là Tam bảo. Hàng Thanh văn, Duyên giác thấy tất cả các pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, cái chẳng phải tất cả các pháp cũng thấy vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Do nghĩa này cho nên không thể thấy Phật tánh. Bồ-tát Thập Trụ thấy tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, phần chẳng phải tất cả các pháp thì

thấy là thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên trong mười phần thấy được một phần. Chư Phật Thế Tôn thấy tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, chẳng phải tất cả các pháp đều thấy là thường, ngã, lạc, tịnh. Do nghĩa này nên thấy Phật tánh như quả A-ma-lạc trong lòng bàn tay. Do nghĩa này nên định Thủ-lăng-nghiêm gọi là rốt ráo.

Này thiện nam! Như trăng đầu tháng, tuy không thấy trăng nhưng không thể nói là không có. Phật tánh cũng như vậy, tất cả phàm phu tuy không thấy được, nhưng cũng không thể nói là không có Phật tánh.

Này thiện nam! Phật tánh là mười lực, bốn vô sở úy, đại bi, ba niệm xứ. Tất cả chúng sinh đều có ba thứ phá trừ phiền não, nên sau mới thấy được Nhất-xiển-đề, do phá trừ Nhất-xiển-đề nên về sau có thể được mười lực, bốn vô sở úy, đại bi, ba niệm xứ. Do nghĩa này nên Ta thường nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Này thiện nam! Tất cả chúng sinh đều có mười hai nhân duyên, cũng có nội, cũng có ngoại. Những gì là mười hai? Phiền não quá khứ gọi là vô minh, nghiệp quá khứ gọi là hành, trong đời hiện tại lúc ban đầu thọ thai gọi là thức, vào thai rồi mà năm phần bốn căn chưa đầy đủ gọi là danh sắc, đầy đủ bốn căn nhưng khi chưa gọi là xúc thì gọi là sáu nhập, chưa phân biệt khổ vui gọi là xúc, nhiễm tạp một ái gọi là thọ, huân tập gần gũi với năm dục gọi là ái, tham lam mong cầu trong và ngoài gọi là thủ, vì sự trong và ngoài mà khởi nghiệp thân, miệng, ý gọi là hữu; thức đời hiện tại gọi là sinh đời vị lai; danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, đời hiện tại gọi là lão, bệnh, tử của đời vị lai. Đó là mười hai nhân duyên. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh tuy có mười hai nhân duyên như vậy, hoặc có mà chưa đầy đủ, khi chết không có mười hai nhân duyên như Ca-la-la. Từ khi sinh đến khi già chết được đầy đủ mười hai. Chúng sinh ở cõi Sắc không có ba thứ thọ, ba thứ xúc và ba thứ ái, không có lão bệnh, nhưng cũng được gọi là đầy đủ mười hai. Chúng sinh ở cõi Vô sắc thì không có sắc cho đến không có lão bệnh nhưng cũng được gọi là đầy đủ mười hai. Do chắc chắn là được nên nói rằng tất cả chúng sinh bình đẳng đều đầy đủ mười hai nhân duyên. Này thiện nam! Phật tánh

cũng như vậy, tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên Ta nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh

Này thiện nam! Ở núi Tuyết có loại cỏ tên là Nhẫn nhục, nếu bò ăn thì sinh ra chất đề hồ. Lại có loại cỏ khác nếu bò ăn thì không có chất đề hồ, tuy không có chất đề hồ nhưng cũng không thể nói trong núi Tuyết không có loại cỏ Nhẫn nhục. Phật tánh cũng như vậy, núi Tuyết là Như Lai, cỏ Nhẫn nhục là Đại Niết-bàn, thứ cỏ khác là Mười hai bộ loại kinh văn. Chúng sinh nào có thể được nghe nhận, thưa hỏi Đại Bát Niết Bàn thì thấy được Phật tánh. Trong Mười hai bộ loại kinh văn, tuy chẳng nghe có nhưng không thể nói là không có Phật tánh. Này thiện nam! Phật tánh ấy cũng là sắc, chẳng phải sắc, chẳng phải chẳng phải sắc. Cũng là tướng, chẳng phải tướng, chẳng phải chẳng phải tướng. Cũng là một, chẳng phải một, chẳng phải chẳng phải một. Chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, chẳng phải chẳng phải thường, chẳng phải chẳng phải đoạn. Cũng có, cũng không, chẳng phải có, chẳng phải không. Cũng tận, chẳng phải tận, chẳng phải chẳng phải tận. Cũng nhân, cũng quả, chẳng phải nhân, chẳng phải quả. Cũng nghĩa, chẳng phải nghĩa, chẳng phải chẳng phải nghĩa. Cũng là danh tự, chẳng phải danh tự, chẳng phải chẳng phải danh tự. Vì sao gọi là sắc? Là thân kim cang. Vì sao là chẳng phải sắc? Mười tám pháp bằng phải là sắc pháp. Vì sao gọi là chẳng phải sắc, chẳng phải chẳng phải sắc? Vì sắc và chẳng phải sắc không có tướng chắc chắn. Vì sao gọi là tướng? Vì có ba mươi hai tướng. Vì sao gọi là chẳng phải tướng? Vì tất cả chúng sinh không có tướng hiện ra. Vì sao gọi là chẳng phải tướng, chẳng phải chẳng phải tướng? Vì tướng, chẳng phải tướng không có chắc chắn. Vì sao gọi là một? Vì tất cả chúng sinh đều có Nhất thừa. Sao gọi là chẳng phải một? Vì nói Tam thừa. Sao gọi là chẳng phải một, chẳng phải chẳng phải một? Vì vô số pháp. Sao gọi là chẳng phải thường? Vì từ nơi duyên mà thấy. Sao gọi là chẳng phải đoạn? Vì xa lìa đoạn kiến. Sao gọi là chẳng phải chẳng phải thường, chẳng phải chẳng phải đoạn? Vì không có thì chung. Sao gọi là có? Vì tất cả chúng sinh đều có. Sao gọi là không? Vì từ phương tiện khéo léo mà thấy

được. Sao gọi là chẳng phải có, chẳng phải không? Vì tánh rỗng không. Sao gọi là tận? Vì đạt được Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Sao gọi là chẳng phải tận? Vì nó là thường. Sao gọi là chẳng phải tận, chẳng phải chẳng phải tận? Vì hết thấy tướng tận đều đoạn trừ. Sao gọi là nhân? Vì hiểu rõ nhân. Sao gọi là quả? Vì quả chắc chắn. Sao gọi là chẳng phải nhân, chẳng phải quả? Vì nó là thường. Sao gọi là nghĩa? Vì đều có thể thâm nhận nghĩa không bị chướng ngại. Sao gọi là chẳng phải nghĩa? Vì không thể nói. Sao gọi là chẳng phải nghĩa, chẳng phải chẳng phải nghĩa? Vì rốt ráo là không. Sao gọi là danh tự? Vì có tên gọi. Sao gọi là chẳng phải danh tự? Vì có tên mà thật không có tên. Sao gọi là chẳng phải danh tự, chẳng phải chẳng phải danh tự? Vì đoạn trừ tất cả danh tự. Sao gọi là chẳng phải khổ, chẳng phải vui? Vì đoạn trừ tất cả thọ. Sao gọi là chẳng phải ngã? Vì chưa có thể đầy đủ tám thứ tự tại. Sao gọi là chẳng phải chẳng phải ngã? Vì nó là thường. Sao gọi là chẳng phải ngã, chẳng phải chẳng phải ngã? Vì không tạo tác, không thọ nhận. Sao gọi là không? Đệ nhất nghĩa không. Sao gọi là chẳng phải không? Vì nó là thường. Sao gọi là chẳng phải không, chẳng phải chẳng phải không? Vì có thể làm chủng tử cho pháp thiện.

Này thiện nam! Người nào có thể tư duy hiểu rõ được nghĩa lý của kinh Đại Niết-bàn như vậy, thì nên biết người ấy thấy được Phật tánh. Phật tánh thì không thể nghĩ bàn, chính là cảnh giới của chư Phật Như Lai, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được.

Này thiện nam! Phật tánh chẳng phải là ấm, giới, nhập; chẳng phải trước không mà nay có, chẳng phải đã có rồi trở lại không, từ nơi nhân duyên lành mà chúng sinh được thấy. Giống như khối sắt đen để vào lửa thì đỏ, lấy ra để nguội thì trở lại đen, nhưng màu đen ấy chẳng phải trong chẳng phải ngoài, do nhân duyên mà có. Phật tánh cũng như vậy, nếu như lửa phiền não của tất cả chúng sinh diệt thì thấy nghe được. Này thiện nam! Như hạt giống tiêu thì mầm mọc ra, nhưng tánh của mầm ấy chẳng phải trong, chẳng phải ngoài; cho đến hoa quả cũng như vậy, đều từ nhân duyên mà có. Này thiện nam! Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Phật tánh cũng như vậy, đều là sự thành tựu vô lượng vô

biên công đức.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thành tựu đầy đủ bao nhiêu pháp mới được thấy Phật tánh mà không rõ ràng? Chư Phật Thế Tôn thành tựu bao nhiêu pháp mới thấy được rõ ràng?

–Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu đầy đủ mười pháp, tuy thấy được Phật tánh nhưng không rõ ràng. Những gì là mười? Một là ít muốn, hai là biết đủ, ba là tịch tĩnh, bốn là tinh tấn, năm là chánh niệm, sáu là chánh định, bảy là chánh tuệ, tám là giải thoát, chín là khen ngợi sự giải thoát, mười là Đại Niết-bàn giáo hóa chúng sinh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ít muốn và biết đủ có gì khác nhau?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Ít muốn là không cầu không nhận, biết đủ là khi được ít tâm không hối hận. Ít muốn là ít có sự mong cầu, biết đủ là chỉ vì pháp sự tâm không buồn phiền. Này thiện nam! Dục có ba: Một là ác dục, hai là đại dục, ba là dục dục. Ác dục là, hoặc có Tỳ-kheo, sinh lòng tham muốn, muốn làm bậc thượng thủ của tất cả đại chúng, khiến cho tất cả Tăng chúng theo sau mình, khiến cho bốn bộ chúng đều phải cúng dường, cung kính, khen ngợi, tôn trọng mình, muốn mình ở trước bốn chúng nói pháp để làm cho tất cả phải tin theo lời mình, cũng khiến cho quốc vương, đại thần, trưởng giả phải cung kính, để làm cho mình được nhiều y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc thang, nhà cửa tốt đẹp. Đây là dục sinh tử, nên gọi là ác dục. Sao gọi là đại dục? Hoặc có Tỳ-kheo sinh lòng mong muốn: “Làm sao phải khiến cho bốn chúng đều biết được mình đạt bậc Sơ trụ, cho đến Thập trụ, được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được quả Tu-đà-hoàn đến quả A-la-hán, được Tứ thiền đến bốn trí vô ngại”. Vì muốn lợi dưỡng nên gọi là đại dục. Dục dục là, hoặc có Tỳ-kheo muốn làm Phạm thiên, Ma thiên, Tứ đại thiên, Chuyển luân Thánh vương, hoặc Bát-đế-lợi, cư sĩ, hoặc Bà-la-môn để được tự tại, vì muốn lợi dưỡng nên gọi là dục dục. Nếu không bị ba thứ ác dục này làm hại thì gọi là ít muốn. Dục là hai mươi lăm ái, nếu không có

hai mươi lăm ái như vậy thì gọi là ít muốn, không cầu sự mong muốn ở đời vị lai gọi là ít muốn. Được mà không tham đắm gọi là biết đủ, không mong cầu sự cung kính gọi là ít muốn, được mà không chất chứa gọi là biết đủ. Nay thiện nam! Có người ít muốn mà không gọi biết đủ, có người biết đủ mà không gọi là ít muốn, cũng có người ít muốn mà cũng biết đủ, có người không biết đủ cũng không ít muốn. Ít muốn là bậc Tu-đà-hoàn, biết đủ là Phật-bích-chi, ít muốn, biết đủ là A-la-hán, không ít muốn, không biết đủ là Bồ-tát. Nay thiện nam! Ít muốn biết đủ lại có hai loại: Một là thiện, hai là bất thiện. Bất thiện là phàm phu, thiện là Thánh nhân và Bồ-tát. Tất cả Thánh nhân tuy được đạo quả nhưng không tự xưng, vì không tự xưng nên trong lòng không hối hận, đó gọi là biết đủ. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh Đại thừa Đại Niết-bàn vì muốn thấy Phật tánh nên tu tập ít muốn biết đủ.

Sao gọi là tịch tĩnh? Tịch tĩnh có hai loại: Một là tâm tịnh, hai là thân tịnh. Thân tịch tĩnh là không hề tạo ba nghiệp ác về thân, tâm tịch tĩnh thì cũng không hề tạo ba nghiệp ác về ý. Đó gọi là thân tâm tịch tĩnh. Thân tịch tĩnh là không hề gần gũi với bốn chúng, không tham dự việc làm của bốn chúng. Tâm tịch tĩnh là không bao giờ tu tập tham dục, sân giận, ngu si. Đó gọi là thân tâm tịch tĩnh. Hoặc có Tỳ-kheo tuy thân tịch tĩnh nhưng tâm không tịch tĩnh, có vị tâm tịch tĩnh mà thân không tịch tĩnh, có vị thân tâm đều tịch tĩnh, và có vị cả thân lẫn tâm đều không tịch tĩnh. Thân tịch tĩnh mà tâm không tịch tĩnh là các vị Tỳ-kheo ngồi thiền ở chỗ vắng lặng, xa lìa bốn chúng, tâm luôn chứa nhóm tham dục, sân hận và ngu si, đó gọi là thân tịch tĩnh mà tâm không tịch tĩnh.

Tâm tịch tĩnh mà thân không tịch tĩnh là các Tỳ-kheo gần gũi bốn chúng, quốc vương, đại thần mà đoạn trừ tham, sân, si, đó gọi là tâm tịch tĩnh mà thân không tịch tĩnh.

Thân tâm đều tịch tĩnh là Phật và Bồ-tát. Thân tâm không tịch tĩnh là các phàm phu. Vì sao? Vì người phàm phu tuy thân tâm tịnh nhưng không thể quán sát sâu xa về vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do nghĩa này nên người phàm phu không thể tịch tĩnh về nghiệp thân, miệng và ý. Hạng Nhất-xiển-đề, phạm bốn tội nặng,

tao năm tội nghịch, những hạng người như vậy cũng không được gọi là thân tâm tịch tĩnh.

Thế nào là tinh tấn? Nếu có Tỳ-kheo muốn làm cho nghiệp thân, miệng và ý thanh tịnh thì nên xa lìa tất cả các nghiệp bất thiện, tu tập tất cả các nghiệp thiện, đó gọi là tinh tấn. Siêng năng, nhớ nghĩ tinh tấn về sáu đối tượng, đó là Phật, Pháp, Tăng, giới, thí, thiên, đó là chánh niệm. Người có đủ chánh niệm thì được Tam-muội, đó gọi là chánh định. Người có chánh định quán thấy các pháp giống như hư không, đó gọi là chánh tuệ. Người có chánh tuệ xa lìa tất cả các phiền não trói buộc, đó gọi là giải thoát. Người được giải thoát, thì vì các chúng sinh mà khen ngợi giải thoát là thường hằng không biến đổi, đó gọi là khen ngợi giải thoát. Giải thoát tức là Đại Niết-bàn vô thượng. Niết-bàn tức là ngọn lửa phiền não trói buộc đã dập tắt. Niết-bàn gọi là nhà cửa. Vì sao? Vì có thể ngăn mưa gió phiền não. Lại Niết-bàn gọi là nơi quay về nương tựa. Vì sao? Vì có thể qua khỏi tất cả sự lo sợ. Niết-bàn gọi là bến bãi. Vì sao? Vì bốn dòng sông lớn chảy xiết không thể cuốn trôi. Những gì là bốn? Một là dòng đục, hai là dòng hữu, ba là dòng kiến, bốn là dòng vô minh. Do vậy nên Niết-bàn gọi là bến bãi. Niết-bàn gọi là chỗ về rất ráo. Vì sao? Vì có thể có được tất cả sự an lạc rất ráo. Nếu có Đại Bồ-tát thành tựu đầy đủ mười pháp như vậy, thì tuy được thấy Phật tánh nhưng không rõ ràng.

Lại nữa, này thiện nam! Người xuất gia có bốn thứ bệnh nên không chứng đắc bốn quả Sa-môn. Những gì gọi là bốn bệnh? Đó là bốn sự ham muốn xấu: Một là ham muốn y phục, hai là ham muốn ăn uống, ba là ham muốn đồ nằm, bốn là ham muốn hữu. Đó là bốn ham muốn xấu, là bệnh của người xuất gia. Có bốn thứ thuốc có thể trị lành bệnh này. Đó là y phẩn tảo, trị được bệnh ham muốn y phục của Tỳ-kheo, khát thực có thể trị được bệnh ham muốn ăn uống, ngồi dưới gốc cây có thể trị bệnh ham muốn đồ nằm, thân tâm tịch tĩnh có thể trị được bệnh ham muốn hữu của Tỳ-kheo. Nhờ bốn thứ thuốc này trị bốn thứ loại bệnh kia. Đó gọi là Thánh hạnh. Thánh hạnh như thế gọi là ít ham muốn biết đủ. Người tịch tĩnh có bốn điều vui. Những gì là bốn? Một là vui xuất gia, hai là vui tịch tĩnh, ba là

vui vĩnh diệt, bốn là vui rốt ráo. Được bốn niềm vui này gọi là tịch tĩnh. Đủ bốn hạnh tinh tấn nên gọi là tinh tấn; đủ bốn niệm xứ nên gọi là chánh niệm; đủ bốn thiện vị nên gọi là chánh định; thấy bốn điều chân thật của bậc Thánh nên gọi là chánh tuệ; dứt hẳn tất cả phiền não ràng buộc nên gọi là giải thoát; quả trách tất cả lỗi của phiền não nên gọi là khen ngợi giải thoát. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát an trụ đầy đủ mười pháp như vậy, tuy thấy Phật tánh nhưng không được rõ ràng

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát nghe kinh này rồi, gần gũi tu tập, xa lìa tất cả sự việc ở thế gian, đó gọi là ít ham muốn, đã xa lìa rồi, không sinh tâm hối hận, đó gọi là biết đủ; đã biết đủ rồi gần ở chỗ vắng vẻ, xa lìa chỗ ồn ào, đó gọi là tịch tĩnh. Người không biết đủ thì không thích chỗ vắng vẻ; phàm người biết đủ thì thích chỗ vắng vẻ yên tĩnh, ở chỗ yên tĩnh thường suy nghĩ: “Tất cả thế gian đều nói ta đắc đạo quả Sa-môn, nhưng nay thật sự thì ta chưa được, nay ta sao lại lừa gạt mọi người”. Nghĩ như vậy rồi, liền siêng năng tu tập quả Sa-môn, gọi là tinh tấn, gần gũi tu tập Đại Niết-bàn gọi là chánh niệm, tùy thuận Thiên hạnh gọi là chánh định, an trụ trong định này thì có chánh kiến và chánh tri gọi là chánh tuệ, người chánh kiến chánh tri có thể xa lìa các phiền não trói buộc, gọi là giải thoát. Bồ-tát Thập Trụ vì chúng sinh mà khen ngợi Niết-bàn, gọi là khen ngợi giải thoát. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát an trụ đầy đủ mười pháp như vậy, tuy thấy Phật tánh nhưng không rõ ràng.

Lại nữa, này thiện nam! Người ít ham muốn là, như có Tỳ-kheo ở chỗ vắng vẻ, luôn ngồi thẳng không nằm, hoặc ở dưới cội cây, hoặc ở trong gò mả, hoặc ở chỗ đất trống, tùy chỗ có cỏ mà ngồi trên đó, khát thực để ăn, được bao nhiêu cũng đủ, hoặc một lần ngồi ăn không quá một lần, chỉ chứa ba y, y phẩn tảo, y bố, đó gọi là ít ham muốn. Đã thực hành việc này, tâm không hối hận đó gọi là biết đủ, tu pháp Tam-muội không đó gọi là tịch tĩnh; đắc bốn quả Sa-môn rồi, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm không dừng nghĩ, đó gọi là tinh tấn; chuyên tâm tư duy, Như Lai thường hằng, không có biến đổi, đó gọi là chánh niệm; tu tám pháp giải thoát đó gọi là chánh định; đắc bốn vô ngại, đó gọi là chánh tuệ; xa lìa bảy

thứ lậu hoặc, đó gọi là giải thoát; khen ngợi Niết-bàn không có mười tướng, gọi là khen ngợi giải thoát. Mười tướng là: Sinh, già, bệnh, chết, sắc, thanh, hương, vị, xúc và vô thường. Xa lìa mười tướng này gọi là Đại Niết-bàn. Nay thiện nam! Đó là Đại Bồ-tát an trụ đầy đủ mười pháp như vậy, tuy thấy Phật tánh nhưng không rõ ràng.

Nay thiện nam! Vì nhiều ham muốn nên gần gũi quốc vương, quan lớn, Trưởng giả, Bát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, tự xưng là mình đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, vì lợi dưỡng nên đi, đứng, ngồi, nằm cho đến đại tiện, tiểu tiện, nếu thấy đàn-việt vẫn chào hỏi, tiếp đón, nói chuyện. Người phá ác dục gọi là ít ham muốn, tuy chưa có thể diệt trừ phiền não trói buộc, nhưng có thể đồng hành với Như Lai, đó gọi là biết đủ. Nay thiện nam! Hai pháp như vậy là nhân duyên gần gũi của niệm định, thường được Sư trưởng, bạn học khen ngợi. Ở trong khắp các kinh Ta thường khen ngợi hai pháp như vậy. Nếu người nào có thể đầy đủ hai pháp này thì được gần gũi Đại Niết-bàn và năm điều vui, đó gọi là tịch tĩnh. Người giữ giới vững chắc thì gọi là tinh tấn. Người có xấu hổ thì gọi là chánh niệm, không thấy tướng của tâm gọi là chánh định, không cầu nhân duyên tánh tướng của các pháp, đó gọi là chánh tuệ. Vì không có tướng nên phiền não dứt, đó gọi là giải thoát. Khen ngợi kinh Đại Niết-bàn như vậy gọi là khen ngợi giải thoát. Nay thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát an trụ mười pháp, tuy thấy Phật tánh nhưng không rõ ràng. Nay thiện nam! Như ông đã nói, Bồ-tát Thập Trụ dùng con mắt gì tuy thấy Phật tánh nhưng không rõ ràng, chư Phật Thế Tôn dùng con mắt gì thấy được Phật tánh rõ ràng. Nay thiện nam! Do tuệ nhãn mà thấy nên không được rõ ràng, vì hạnh Bồ-đề không rõ ràng, nếu không hành thì được rõ ràng, an trụ nơi Thập trụ thì tuy thấy mà không rõ ràng, trụ nơi không trụ thì thấy được rõ ràng, Đại Bồ-tát vì nhân trí nên thấy không rõ ràng, chư Phật Thế Tôn vì dứt trừ nhân quả nên thấy rõ ràng. Người giác ngộ tất cả gọi là Phật tánh, Bồ-tát Thập Trụ không được gọi là bậc giác ngộ tất cả, nên tuy thấy được nhưng không rõ ràng. Nay thiện nam! Thấy có hai loại: Một là mắt thấy, hai là nghe thấy. Chư Phật Thế Tôn là mắt thấy Phật tánh, như xem trái A-ma-lặc ở trong bàn tay.

Bồ-tát Thập Trụ là nghe thấy Phật tánh nên không rõ ràng, Bồ-tát Thập Trụ chỉ có thể tự biết chắc chắn đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà không thể biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Này thiện nam! Lại có mắt thấy, chư Phật Như Lai và Bồ-tát Thập Trụ là mắt thấy Phật tánh. Lại có nghe thấy, tất cả chúng sinh cho đến địa thứ chín nghe thấy Phật tánh. Bồ-tát nếu nghe tất cả chúng sinh đều có Phật tánh mà không sinh lòng tin thì không gọi là nghe thấy. Này thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy Như Lai thì nên tu tập Mười hai bộ loại kinh như thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói.

Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh không thể biết được tướng tâm của Như Lai, vậy phải quán như thế nào mới được biết?

–Này thiện nam! Tất cả chúng sinh thật không thể biết được tướng tâm của Như Lai, nếu muốn quán sát để được biết thì có hai nhân duyên: Một là mắt thấy, hai là nghe thấy. Nếu thấy nghiệp thân của Như Lai mà biết là Như Lai đó gọi là mắt thấy, nếu quán nghiệp miệng của Như Lai mà biết là Như Lai thì đó gọi là nghe thấy, nếu thấy sắc mạo mà tất cả chúng sinh không ai sánh bằng mà biết là Như Lai thì đó gọi là mắt thấy, nếu nghe âm thanh vì diệu tối thắng không đồng với âm thanh của chúng sinh mà biết là Như Lai thì đó gọi là nghe thấy. Hoặc thấy Như Lai biểu hiện thần thông là vì chúng sinh hay là vì lợi dưỡng, nếu vì chúng sinh mà không vì lợi dưỡng thì nên biết đó là Như Lai, đó gọi là mắt thấy. Hoặc quán Như Lai lúc dùng trí tha tâm thông để quán sát Như Lai là vì lợi dưỡng thuyết pháp hay vì chúng sinh thuyết pháp, nếu vì chúng sinh mà không vì lợi dưỡng thì nên biết đó là Như Lai, đó gọi là nghe thấy. Như Lai thọ thân này như thế nào, vì sao mà thọ thân, vì ai mà thọ thân, thì đó gọi là mắt thấy. Nếu quán sát Như Lai thuyết pháp như thế nào, vì sao thuyết pháp, vì ai mà thuyết pháp, thì đó gọi là nghe thấy. Nếu dùng nghiệp ác của thân gia hại mà không sân giận thì nên biết đó là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Nếu dùng nghiệp ác của miệng gia hại mà không giận dữ thì nên biết đó là Như Lai. Đó gọi

là nghe thấy. Nếu thấy Bồ-tát lúc mới ra đời, đối với mười phương, mỗi phương đều đi bảy bước, các đại tướng quý thần Ma-ni-bạt-đà, Phú-na-bạt-đà, cầm phướn lọng, chấn động vô lượng vô biên thế giới, ánh sáng vàng chói rực khắp hư không, Long vương Nan-đà và Bạt-nan-đà dùng sức lực thần thông tắm thân Bồ-tát, chư Thiên hiện hình tiếp nghênh lễ bái, tiên A-tư-đà chấp tay cung kính, lớn khôn vứt bỏ năm dục, như bỏ nước miếng, nước mũi, không bị sự vui ở đời cám dỗ, xuất gia tu đạo, thích ở chỗ vắng lặng, vì phá trừ tà kiến nên sáu năm khổ hạnh, đối với chúng sinh bình đẳng không hai, tâm thường ở trong chánh định không bao giờ bị tán loạn, tướng hảo trang nghiêm, đi đến chỗ nào thì những gò nổng đều bằng phẳng, y phục cách rời thân bốn tấc không sa xuống, lúc đi nhìn thẳng, không ngo hai bên, vật thực của Phật ăn đơn giản bình thường, chỗ đứng ngồi cố không rời động, vì điều phục chúng sinh nên thuyết pháp, tâm không kiêu mạn, thì đó gọi là mắt thấy. Hoặc nghe Bồ-tát đi bảy bước rồi xướng lên như vậy: “Nay thân này của Ta là thân cuối cùng”. Tiên A-tư-đà chấp tay thưa: “Tâu đại vương! Thái tử Tất-đạt-đa nhất định sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không bao giờ ở nhà làm Chuyển luân vương. Vì sao? Vì tướng hiện rõ ràng, còn Chuyển luân Thánh vương thì tướng không rõ ràng. Thái tử Tất-đạt-đa thân tướng sáng rõ, do vậy nhất định sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Lúc thấy già, bệnh, chết liền nói: “Tất cả chúng sinh thật đáng thương xót, thường cùng với sinh, già, bệnh, chết đeo đuổi nhau, nhưng không biết quán sát để luôn làm theo điều khổ. Ta nên dứt trừ sự khổ ấy”. Theo Tiên nhân chứng năm thông là ông A-la-lã học định vô tướng, đã thành tựu rồi, sau thấy chưa rốt ráo, lại theo Tiên nhân Uất-đà-dà để học định phi hữu tướng phi vô tướng, đã thành tựu rồi liền nói chẳng phải Niết-bàn, đó còn là pháp sinh tử, sáu năm khổ hạnh không có kết quả, liền nghĩ: “Tu khổ hạnh luống công vô ích, nếu là thật thì Ta đã chứng đắc, bởi hư vọng nên Ta không chứng đắc, đó gọi là tà thuật, chẳng phải là đạo chân chánh”, khi đã thành đạo rồi thì Phạm thiên kính thỉnh: “Ngưỡng mong Đức Như Lai vì chúng con mà khai mở cam lộ thuyết pháp vô thượng”. Ta bảo: “Này Phạm thiên! Tất cả chúng

sinh thường bị phiền não che lấp, không thể lãnh thọ lời dạy về pháp chân chánh của Ta”. Phạm thiên thưa: “Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh phàm có ba hạng là lợi căn, trung căn, độn căn. Hạng lợi căn có thể lãnh thọ, ngưỡng mong Thế Tôn vì họ mà thuyết pháp”. Ta bảo: “Này Phạm thiên! Lắng nghe! Lắng nghe! Nay Ta sẽ vì tất cả chúng sinh mà mở cửa cam lồ ở thành Ba-la-nại, chuyển pháp luân, tuyên nói trung đạo. Tất cả chúng sinh không phá trừ tất cả các sự trói buộc, chẳng phải là không thể phá trừ, chẳng phải phá trừ mà chẳng phải là không phá trừ, nên gọi là trung đạo; không cứu giúp chúng sinh chẳng phải là không thể cứu giúp, đó là trung đạo; chẳng phải tất cả thành tựu, cũng chẳng phải là không thành tựu, đó gọi là trung đạo. Phàm có nói ra điều gì, không tự nói là tầy, không nói là đệ tử, đó gọi là trung đạo; thuyết pháp không vì lợi, chẳng phải không được quả, đó gọi là trung đạo; nói đúng đắn, nói ngay thẳng, nói đúng lúc, nói chân thật, không hư dối, vi diệu đệ nhất”. Các pháp như vậy, gọi là nghe thấy. Này thiện nam! Tâm tướng của Như Lai thật không thể thấy. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy Như Lai phải nương theo hai nhân duyên này.

